

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH LÂM ĐỒNG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2020/HS-PT

Ngày: 10-02-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Hoài

Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Anh Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 156/2019/TLPT-HS ngày 13-12-2019 đối với bị cáo Đào Duy T, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 152/2019/HSST ngày 04-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị cáo kháng cáo:

Đào Duy T, sinh năm 1978 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ĐKKHKT và cư trú: thôn Đà Lâm, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Duy K, sinh năm 1940 và bà Hoàng Thị G, sinh năm 1947, hiện đều cư trú tại thôn Đà Lâm, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; vợ Trần Thu P sinh năm 1979, hiện không rõ địa chỉ; có 02 người con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo hiện bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- Người bào chữa: Luật sư Hoàng Ngọc Liệu - Văn phòng Luật sư Hoàng Ngọc Liệu, Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Bị cáo liên quan đến kháng cáo:

Nguyễn Văn Q, sinh năm 1991 tại tỉnh Quảng Bình; nơi ĐKKHKT và cư trú: thôn Đà Giềng, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: nhân viên BQL rừng; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1950, hiện đều cư trú tại xã Vĩnh Thủy, huyện L, tỉnh

Quảng Bình; vợ Trần Thị Thanh N, sinh năm 1989 và có 02 người con, lớn sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2019, hiện đều cư trú tại thôn Đà Giềng, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13-6-2019 đến ngày 13-8-2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Hiện bị cáo tại ngoại; Có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:*

1. Ban quản lý rừng phòng hộ Đại Ninh. Trụ sở: số 108 thôn Phú Thịnh, xã Phú Hội, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Nhẫn. Chức vụ: Trưởng ban;

Đại diện theo ủy Q: Ông Vương Anh Dũng. Chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch, “văn bản ủy Q ngày 06/02/2020”. Có mặt.

2. Ban quản lý rừng phòng hộ Tà Năng. Trụ sở: thôn Tà Nhiên, xã Tà Năng, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Trung. Chức vụ: Trưởng ban;

Đại diện theo ủy Q: Ông Đỗ Huỳnh, Chức vụ: Đội trưởng đội 5, “văn bản ủy Q ngày 07/02/2020”. Có mặt.

Trong vụ án này, có người liên quan ông Đỗ Đức T, ông Võ Văn K, ông Ya T, ông Ya P (Ya Ph), ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Xuân Th, ông Huỳnh Minh H không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn Q giữ chức vụ nhân viên (*hợp đồng*) của Ban quản lý rừng phòng hộ Đại Ninh (*sau đây viết tắt Ban quản lý rừng Đại Ninh*), huyện Đ được phân công quản lý tiểu khu 367, lâm phần do Ban quản lý rừng phòng hộ Đại Ninh quản lý từ tháng 12-2018.

Ngày 10-4-2019 ông Lê Quang D nhân viên Ban quản lý rừng Đại Ninh nghe có tiếng cưa máy ở khu vực rừng bị cáo Q quản lý, đã điện thoại báo cho bị cáo Q biết. Ngày 15-4-2019 (*sau 5 ngày*), bị cáo Q vào hiện trường kiểm tra đúng rừng bị xâm hại. Tuy nhiên, do sợ trách nhiệm, bị cáo Q không báo cáo, đến ngày 12-5-2019 bị cáo Q cùng với anh Nguyễn Xuân Th (hộ giao khoán rừng) đến tiểu khu trên để kiểm tra. Bị cáo Q dùng bút xóa đánh dấu vào các cây bị cưa sau đó lập biên bản ghi nhận số cây bị cưa, đưa biên bản cho ông Nguyễn Văn Q - Phó Ban Lâm Nghiệp xã Đà Loan ký và cất giữ. Đến sáng ngày 19-5-2019 bị cáo Q điện nhờ bị cáo Đào Duy T đem cưa máy vào cưa, dọn các cây đã bị cưa đổ trước đó, mục đích xóa dấu vết thì bị cáo T đồng ý nhưng bị cáo T được lấy toàn bộ số gỗ trên để làm nhà và bị cáo Q đồng ý.

Bị cáo Q chỉ vị trí cho bị cáo T, đến sáng ngày 20-5-2019 bị cáo T mình mang cưa máy vào cưa các cây thông ba lá, cây dễ thành từng khúc dài khoảng 4m từ khoảng 09 giờ đến 11 giờ thì xong. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, bị cáo

T thuê xe cải tiến của ông Đỗ Đức T để chở gỗ, ông Tuấn đồng ý và giao xe cho anh Võ Văn K điều khiển xe chở bị cáo T, ông Ya T, ông Ya P và 02 người đồng bào (chưa rõ lai lịch) đi vào tiểu khu trên để vận chuyển gỗ. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, khi đang bốc gỗ lên thùng xe cải tiến được khoảng hơn 15 lóng gỗ thông dài khoảng 4m thì bị lực lượng chức năng gồm các ông Đỗ H, ông Trần Văn T, ông Cao Đình Th cán bộ của Ban quản lý rừng Tà Năng, ông Phạm Minh T cán bộ Hạt Kiểm Lâm huyện Đ phát hiện bắt giữ; trong lúc đang tạm giữ phương tiện và tang vật vi phạm để đo đếm, đến khoảng 22 giờ cùng ngày, có một nhóm đối tượng khoảng 15 người (*không rõ lai lịch*) đến cản trở đồ tang vật xuống đất và lấy xe bỏ chạy khỏi hiện trường.

Căn cứ biên bản khám nghiệm hiện trường xác định ban đầu xác định tổng diện tích rừng có cây bị cắt hạ là $1.164m^2$, trong đó tiểu khu 367 có diện tích $932m^2$ thuộc Ban quản lý rừng Đại Ninh, tiểu khu 368 thuộc Ban quản lý rừng Tà Năng có diện tích $232m^2$ đối tượng rừng phòng hộ tự nhiên.

Tổng số cây rừng bị cưa hạ là 28 cây gồm đó 27 cây thông ba lá, 01 cây dẻ, trong đó khoảng 6 tiểu khu 367, lâm phần do Ban quản lý rừng Đại Ninh 23 gốc, tiểu khu 368, lâm phần do Ban quản lý rừng Tà Năng 05 gốc, được cắt thành 59 khúc, dài khoảng 4m với khối lượng gỗ là $11,227m^3$, trong đó có 18 khúc gỗ đã được tập kết thành đống cách hiện trường 10m; 41 khúc gỗ còn lại nằm rải rác trên hiện trường.

Về tang vật: Đối với khối lượng gỗ thu giữ là $11,227m^3$ loại gỗ thông ba lá, gỗ dẻ; 01 xe cải tiến độ chế 04 bánh (*trên lóc máy có dãy chữ số 2704455905 GGL20, thùng xe màu xanh xám, không kiểm tra chất lượng và tình hình hoạt động của xe*); 01 cưa máy màu nâu đỏ nhãn hiệu STIHL.

Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ kết luận số 97/KL-HĐĐG ngày 20-6-2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự hình sự xác định giá trị thiệt hại $11,227m^3$ gỗ là 93.824.000đ; trong đó thiệt hại về gỗ là 30.697.000đ; thiệt hại về môi trường 63.127.000đ. Quá trình điều tra, bị cáo Q đã nộp 20.000.000đ.

Đối với các đối tượng đã cưa hạ cây gỗ trái pháp luật trước đó, Cơ quan sát điều tra Công an huyện Đ đã xác minh nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch, nên tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau.

Đối với nhóm đối tượng khoảng hơn 15 người có hành vi đổ gỗ trên xe cải tiến xuống đất và điều khiển xe đi khỏi hiện trường; Cơ quan sát điều tra Công an huyện Đ đã xác minh nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch, nên tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau.

Đối với hai người đồng bào đi cùng bị cáo T và đứng trên thùng xe cải tiến sắp xếp các lóng gỗ, Cơ quan sát điều tra Công an huyện Đ đã xác minh nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch, nên tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau.

Đối với anh T chủ xe cải tiến độ chế, anh K lái xe, Ya P, Ya T giúp kéo gỗ lên thùng xe cải tiến. Quá trình điều tra không xác định được khối lượng gỗ đã bốc được lên xe là bao nhiêu nên không có cơ sở để xử lý.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 152/2019/HSST ngày 04-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “*Vi phạm các quy định về quản lý rừng*”; tuyên bố bị cáo Đào Duy T phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 233; các điểm b, i, s, x khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 (*sau đây gọi chung Bộ luật Hình sự năm 2015*) đối với bị cáo Nguyễn Văn Q.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 232; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đào Duy T.

- Xử phạt bị cáo Đào Duy T 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án.

- Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải bồi thường 31.563.500đ cho Ban quản lý Đại Ninh để sung công quỹ nhà nước, đã nộp số tiền 20.000.000đ đã nộp (*biên lai thu số AA/2017/0000393 ngày 20-9-2019*); bị cáo Q phải nộp bồi thường tiếp 11.563.500đ.

- Buộc bị cáo Đào Duy T phải bồi thường thiệt hại cho Ban quản lý Đại Ninh số tiền 20.290.500đ để sung công quỹ nhà nước; Bồi thường cho Ban Quản lý rừng Tà Năng số tiền 11.273.000đ để sung công quỹ nhà nước.

Ngoài ra, bản án còn tuyên nghĩa vụ chấp hành phạt tù cho hưởng án treo, bồi thường, xử lý vật chứng, án phí, Q kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 12-11-2019 bị cáo Đào Duy T kháng cáo xin hưởng án treo, kháng cáo không phải bồi thường cho Nhà nước.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Q, bị cáo T khai nhận thực hiện hành vi như bản án sơ thẩm và cùng không thắc mắc, khiếu nại bản án sơ thẩm.

Về kháng cáo, bị cáo T giữ nguyên nội dung kháng cáo và cho rằng các cây gỗ đã bị cưa hạ nằm xuống đất, sau đó bị cáo Q nói bị cáo vào dọn, cưa cắt thành lóng và được bị cáo Q cho mang về sử dụng, sau đó số gỗ đã thu giữ buộc bị cáo phải bồi thường là không đúng, đề nghị Tòa án xem xét. Về hình phạt, bị cáo kháng cáo đề nghị được hưởng án treo; đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng, kháng cáo của bị cáo T về bồi thường đã được đại diện nguyên đơn dân sự thống nhất không buộc bị cáo bồi thường về môi trường. Về kháng cáo hình phạt, bị cáo được áp dụng hai tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, hiện nay hoàn cảnh bị cáo T rất khó khăn vợ bị cáo bỏ nhà đi, cha mẹ bị cáo đều đã già yếu. Đại diện Viện kiểm sát cho rằng cấp sơ thẩm áp dụng pháp luật không đúng như buộc bồi thường thì cấp phúc thẩm vẫn khắc phục được.

Đối với bị cáo Q không kháng cáo, không bị kháng nghị nhưng liên quan đến kháng cáo về bồi thường đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật.

Về phía đại diện nguyên đơn dân sự Ban quản lý rừng Đại Ninh, Ban quản lý rừng Tà Năng thống nhất không buộc các bị cáo bồi thường về môi trường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng cho rằng cấp sơ thẩm xử phạt tù đối với bị cáo T nhưng không áp dụng Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo Q nhưng không áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Về áp dụng pháp luật buộc bồi thường về môi trường không đúng dẫn đến buộc bị cáo phải chịu án phí là không đúng. Ngoài ra, đánh giá vai trò bị cáo Q là nguyên nhân dẫn đến bị cáo T phạm tội nhưng lại cho hưởng án treo. Do vậy, đề nghị căn cứ Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự; hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án để điều tra, xét xử lại theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xuất phát từ việc bị cáo Nguyễn Văn Q được phân công quản lý bảo vệ tiểu khu 367, thuộc lâm phần của Ban quản lý rừng phòng hộ Đại Ninh. Tuy nhiên do quản lý không tốt, để xảy ra tình trạng bị cưa hạ cây rừng thuộc tiểu khu mình quản lý, khi thông tin từ ông Lê Quang D, bị cáo vào kiểm tra thấy đúng như ông D thông tin thì lại sợ trách nhiệm, nên sáng ngày 19-5-2019 bị cáo Q điện thoại và được bị cáo Đào Duy T đồng ý đem cưa máy vào cưa, dọn các cây đã bị cưa đổ trước đó, mục đích xóa dấu vết; bị cáo T được lấy toàn bộ số gỗ trên để làm nhà và được bị cáo Q đồng ý.

Sau khi bị cáo Q chỉ vị trí, bị cáo T một mình mang máy cưa vào cưa các cây thông ba lá, cây dẻ thành từng khúc từ khoảng 09 giờ đến 11 giờ ngày 20-5-2019 được 59 lóng, dài từ khoảng 01m đến khoảng 4m/lóng; xác định tổng số 28 cây gồm 27 cây thông ba lá, 01 cây dẻ; tổng khối lượng gỗ là 11,227m³ thuộc khoảnh 6 tiểu khu 367 do Ban quản lý rừng Đại Ninh 23 cây; tiểu khu 368 do Ban quản lý rừng Tà Năng 05 cây; sau đó đã được tập kết 18 lóng thành đống cách hiện trường 10m; 41 lóng còn lại nằm rải rác trên hiện trường. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, bị cáo T thuê xe cải tiến của ông Đỗ Đức T để chở gỗ, được ông T đồng ý và giao xe cho anh Võ Văn K điều khiển xe chở bị cáo T, ông Ya T, ông Ya P và 02 người đồng bào (*chưa rõ lai lịch*) đi vào vị trí các cây gỗ đã cưa cắt thành lóng để vận chuyển; đến khoảng 20 giờ 30 phút ngày 20-5-2019, khi đang bốc gỗ lên thùng xe cải tiến được khoảng hơn 15 lóng gỗ thông thì bị lực lượng chức năng Hạt Kiểm Lâm huyện Đ phát hiện tạm giữ phương tiện và tang vật vi phạm để đo đếm, đến khoảng 22 giờ cùng ngày, có một nhóm đối tượng khoảng 15 người (*không rõ lai lịch*) đã thực hiện hành vi cản trở đổ tang vật xuống đất và lấy xe bỏ chạy khỏi hiện trường.

Như vậy, buộc bị cáo T phải biết rằng cho dù bị cáo Q cho bị cáo “*các cây rừng tuy đã bị cưa cắt hạ nằm xuống đất*” vẫn thuộc hành vi khai thác cây gỗ rừng trái phép. Đối chiếu lời khai của các bị cáo, lời khai của người liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản.

Cấp sơ thẩm đánh giá toàn diện chứng cứ, đã tuyên bố bị cáo Đào Duy T phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”, theo điểm d khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo, đối chiếu với tài liệu chứng cứ thể hiện: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến trật tự đến quản lý, bảo vệ rừng tại địa phương. Cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 để quyết định mức hình phạt là thỏa đáng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo đề nghị được hưởng án treo nhưng không xuất trình tình tiết nào mới; trong khi đó, tình hình tội phạm liên quan đến xâm hại tài nguyên rừng hiện đang nổi cộm tại địa phương, việc bị cáo kháng cáo đề nghị được hưởng án treo là không chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát cho rằng, cấp sơ thẩm giải quyết vụ án như xử phạt tù đối với bị cáo T nhưng không áp dụng Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo Q nhưng không áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 chỉ là sai sót chính tả. Về áp dụng pháp luật giải quyết buộc bồi thường về môi trường bị cáo T kháng cáo và thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm và giải quyết liên quan đến án phí dân sự. Ngoài ra, đánh giá nguyên nhân bị cáo T phạm tội xuất phát từ hành vi của bị cáo Q. Tuy nhiên, về hình phạt đối với bị cáo Q không bị kháng nghị theo hướng tăng nặng, nên cấp phúc thẩm không được làm xấu hơn tình trạng của bị cáo. Do vậy, trong trường hợp việc xét xử phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo Q là không đúng thì được xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm.

[3] Về bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn dân sự Ban quản lý rừng Đại Ninh, Ban quản lý rừng Tà Năng thống nhất không buộc các bị cáo bồi thường về môi trường. Do vậy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, sửa bản án sơ thẩm không buộc bị cáo Q, bị cáo T bồi thường về môi trường để sung quỹ như bản án sơ thẩm quy kết là phù hợp.

- Về số tiền 20.000.000đ bị cáo Q đã nộp (*biên lai thu số AA/2017/0000393 ngày 20-9-2019 của Chi cục THADS huyện Đ*), cần trả lại cho bị cáo nhưng được tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

[4] *Về án phí*: Do các bị cáo T, bị cáo Q không phải bồi thường nên không chịu án phí dân sự sơ thẩm, mỗi bị cáo chỉ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Do sửa bản án nên bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm d khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Đào Duy T, sửa bản án sơ thẩm. Xử.

1. Tuyên bố Đào Duy T phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”. Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 232; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Đào Duy T 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án.

2. Về bồi thường thiệt hại: Các bị cáo Nguyễn Văn Q, bị cáo Đào Duy T không phải bồi thường thiệt hại về môi trường.

- Hoàn trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Q số tiền 20.000.000đ đã nộp (*biên lai thu số AA/2017/0000393 ngày 20-9-2019 của Chi cục THADS huyện Đ*) nhưng được tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo Nguyễn Văn Q, bị cáo Đào Duy T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm, không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Vụ GDKT I – TANDTC (01);
- Phòng KTNV&THA (02);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND huyện Đ (02);
- VKSND huyện Đ (01);
- Cơ quan CSĐT CA Đ (02);
- Cơ quan THAHS CA Đ (02);
- Bị cáo (01);
- Người bào chữa (01);
- Hồ sơ THAHS (04);
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

Nguyễn Kim Đồng

